

Số: 348/2017/CV-TCHC

V/v: Công bố BCTC quý 2/2017 và giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 2/2017 so với quý 2/2016

Lào Cai, ngày 18 tháng 07 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2
2. Mã chứng khoán: ND2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0203 501 540 Fax: 0203 906 661
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.
6. Nội dung công bố thông tin:
  - 6.1. Công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 2 năm 2017 kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 bao gồm : BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC kèm theo.
  - 6.2. Công bố thông tin về văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 2/2017 so với lợi nhuận sau thuế quý 2/2016 kèm theo.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính quý 2/2017 của Công ty và văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế quý 2/2017 so với lợi nhuận sau thuế quý 2/2016 tại đường dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, thư ký.



Người đại diện theo Pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC  
Ứng Hồng Vận

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện  
Miền Bắc 2**

Báo cáo tài chính Quý II/2017 tại  
ngày 30 tháng 6 năm 2017



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký**

**Kinh doanh số**

1203000019

ngày 6 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 9 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5300215527 ngày 8 tháng 9 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Điệp  
Ông Ứng Hồng Vận  
Ông Nguyễn Hữu Ngọc  
Ông Nguyễn Thành Phương  
Bà Đồng Thị Lan

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Ứng Hồng Vận  
Ông Nguyễn Hải Đăng  
Ông Trần Vĩnh Hào

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Số nhà 64B, Đường Phan Đình Phùng  
Phường Phố Mới, Thành phố Lào Cai  
Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính Quý II//2017 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý II//2017. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty: Báo cáo tài chính Quý II/2017 được trình bày từ trang 3 đến trang 26 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính Quý II//2017 đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Ứng Hồng Vận  
Tổng Giám đốc

Thành phố Lào Cai, Ngày 14 tháng 07 năm 2017



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017**

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>81.614.550.998</b>	<b>149.725.831.359</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>9.967.194.768</b>	<b>36.850.758.156</b>
Tiền	111		9.967.194.768	808.521.700
Các khoản tương đương tiền	112		-	36.042.236.456
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>65.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	65.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>49.638.512.112</b>	<b>29.262.113.825</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	40.862.883.352	14.574.897.129
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.036.275.092	3.207.090.458
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	4.739.353.668	11.480.126.238
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>20.595.990.557</b> ✓	<b>18.352.458.685</b>
Hàng tồn kho	141		20.595.990.557	18.352.458.685
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.412.853.561</b>	<b>260.500.693</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.367.373.539	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	215.020.671
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	45.480.022	45.480.022
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>1.814.988.469.902</b>	<b>1.859.039.312.522</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>18.060.670.918</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9	18.060.670.918	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.780.370.748.135</b>	<b>1.842.510.667.439</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.780.370.748.135	1.842.510.667.439
Nguyên giá	222		1.954.676.505.909	1.981.111.832.210
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(174.305.757.774)	(138.601.164.771)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.031.568.795</b>	<b>4.797.657.322</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	5.031.568.795	4.797.657.322
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.525.482.054</b>	<b>11.730.987.761</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	11.525.482.054	11.730.987.761
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.896.603.020.900</b>	<b>2.008.765.143.881</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ cho Quý II/2017 tại 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.417.717.929.032</b>	<b>1.520.230.012.525</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>138.866.861.659</b>	<b>186.786.945.152</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	0	4.680.893.753	9.137.996.517
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.552.632.091	4.655.365.319
Phải trả người lao động	314		1.056.708.107	9.003.417.061
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	4.380.590.606	12.949.891.057
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	25.238.092.201	7.241.106.251
Vay ngắn hạn	320	17(a)	96.553.135.855	142.728.291.256
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.404.809.046	1.070.877.691
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.278.851.067.373</b>	<b>1.333.443.067.373</b>
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	21.000.000	21.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	1.278.830.067.373	1.333.422.067.373
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU(400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>478.885.091.868</b>	<b>488.535.131.356</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>478.885.091.868</b>	<b>488.535.131.356</b>
Vốn cổ phần	411	19	415.296.507.633	415.296.507.633
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.296.507.633	415.296.507.633
Thặng dư vốn cổ phần	412		10.642.450.000	10.642.450.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.946.134.235	62.596.173.723
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37.939.820.383	24.837.625.468
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.006.313.852	37.758.548.255
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.896.603.020.900</b>	<b>2.008.765.143.881</b>

Người lập:

Lâm Thị Hà  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ứng Hồng Vận  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
		Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm Trước
Doanh thu bán hàng	01	104.974.661.720	102.481.873.237	156.065.261.340	168.309.538.071
Giá vốn hàng bán	11	35.288.966.905	32.592.846.655	65.322.073.403	58.548.196.955
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20	69.685.694.815	69.889.026.582	90.743.187.937	109.761.341.116
Doanh thu hoạt động tài chính	21	584.981.903	297.638.696	783.514.881	384.738.740
Chi phí tài chính	22	34.394.379.083	41.978.856.912	66.390.309.220	78.121.012.517
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	33.981.320.191	39.330.925.405	65.752.593.233	72.771.611.486
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.187.523.145	5.842.532.422	8.564.406.659	9.566.967.593
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30	31.688.774.490	22.365.275.944	16.571.986.939	22.458.099.746
Thu nhập khác	31	303.815.857	63.877.385	321.864.296	67.308.310
Chi phí khác	32	1.806.449.383	290.812	1.887.537.383	290.813
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40	(1.502.633.526)	63.586.573	(1.565.673.087)	67.017.497
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	30.186.140.964	22.428.862.517	15.006.313.852	22.525.117.243
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60	30.186.140.964	22.428.862.517	15.006.313.852	22.525.117.243
Lãi trên cổ phiếu					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	707		361	542

Người lập:

Lâm Thị Hà  
Kế toán tổng hợp

Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ứng Hồng Vận  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho Quý II/2017 tại**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		15.006.313.852	22.525.117.242
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		35.704.593.003	34.450.221.810
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		270.056.200	(125.284.968)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		1.108.873.682	(111.464.457)
Chi phí lãi vay	06		65.752.593.233	72.771.611.486
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>117.842.429.970</b>	<b>129.510.201.113</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(19.734.264.729)	(16.239.668.627)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.243.531.872)	(4.629.743.391)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		731.462.091	(46.772.131.319)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.161.867.832)	(688.540.095)
			<b>95.434.227.628</b>	<b>61.180.117.681</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(74.372.290.441)	(72.839.092.271)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.557.596.605)	(1.834.742.563)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>17.504.340.582</b>	<b>(13.493.717.153)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(2.867.991.501)	(1.866.392.227)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		65.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		605.234.062	111.464.457
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>62.737.242.561</b>	<b>(1.754.927.770)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp- tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2017</b>	<b>30/06/2016</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay	33	48.241.150.132	120.186.384.103
Tiền trả nợ gốc vay	34	(149.008.305.533)	(66.615.269.104)
Tiền trả cổ tức	36	(6.357.991.130)	(40.046.908.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(107.125.146.531)</b>	<b>13.524.206.499</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(26.883.563.388)</b>	<b>(1.724.438.424)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>36.850.758.156</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>9.967.194.768</b>
		<b>69.814.108.201</b>	

Người lập:



Lâm Thị Hà  
 Kế toán tổng hợp



Đinh Tuấn Anh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ứng Hồng Vân  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng vận hành các dự án thủy điện tại tỉnh Lào Cai và các tỉnh miền Bắc;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Tư vấn thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, cấp thoát nước, thủy điện, điện, thủy lợi;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, điện, bua chính viễn thông, thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu, cống, các công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, cấp, thoát nước, lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh và trang trí nội thất;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí;
- Sản xuất và mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phục vụ xây dựng; và
- Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng: đá, cát, sỏi.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại Quý II/2017 tại  
ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 99 nhân viên (1/1/2017: 99 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- công trình thủy điện 35 năm
- nhà điều hành thủy điện 25 năm



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- máy móc và thiết bị 20 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng và chi phí thiết bị văn phòng trả trước.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu từ bán điện**

Doanh thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán Điện giữa Công ty và Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu chỉ bao gồm tiền bán điện do Nhà máy thủy điện Ngòi Phát sản xuất ra. Doanh thu được ghi nhận mỗi tháng một lần.

Tiền bán điện được tính toán dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(m) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(n) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

**(o) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do Công ty chỉ có một hoạt động kinh doanh tại một vùng địa lý duy nhất.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Xét đoán quan trọng mà Ban Giám đốc thực hiện đối với việc áp dụng các chính sách kế toán của Công ty, đồng thời cũng là nguồn gốc chính của sự không chắc chắn trong các ước tính, không thay đổi kể từ khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	133.565.393	17.726.245
Tiền gửi ngân hàng	9.833.629.375	790.795.455
Các khoản tương đương tiền	-	36.042.236.456
	9.967.194.768	36.850.758.156
	9.967.194.768	36.850.758.156

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu người lao động	6.010.602	860.001
Các khoản chi hộ	-	249.575.963
Tạm ứng	3.543.677.119	3.297.617.899
Phải thu của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Lào Cai	-	6.829.752.000
Phải thu khác	1.189.665.947	1.102.320.375
	4.739.353.668	11.480.126.238
	4.739.353.668	11.480.126.238

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Hàng tồn kho**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.150.768.092	-	962.835.652	-
Công cụ và dụng cụ	19.445.222.465	-	17.389.623.033	-
	<hr/>		<hr/>	
	20.595.990.557	-	18.352.458.685	-
	<hr/>		<hr/>	

**9. Phải thu dài hạn khác**

Phải thu dài hạn khác là khoản tiền sẽ được bù trừ với tiền thuê đất tại địa điểm đất thuê (tại xã Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) kể từ thời điểm 1 tháng 8 năm 2013 cho số tiền Công ty đã bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng thủy điện Ngòi Phát tại khu đất kể trên. Tiền thuê đất này đang được miễn giảm đến hết tháng 7 năm 2023.

Công ty đang trong quá trình quyết toán số tiền thuê được bù trừ với cục Thuế tỉnh Lào Cai.

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Công trình thủy điện và nhà điều hành thủy điện VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.413.062.238.000	102.550.958	562.814.111.934	5.132.931.318	1.981.111.832.210
Tăng trong kỳ	-	-	-	1.100.972.727	1.100.972.727
Giảm do quyết toán công trình (*)	(27.536.299.028)	-	-	-	(27.536.299.028)
Số dư cuối kỳ	1.385.525.938.972	102.550.958	562.814.111.934	6.233.904.045	1.954.676.505.909
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	80.494.048.887	75.175.959	56.509.042.504	1.522.897.421	138.601.164.771
Khấu hao trong kỳ	20.847.694.441	6.083.333	14.504.192.771	346.622.458	35.704.593.003
Số dư cuối kỳ	101.341.743.328	81.259.292	71.013.235.275	1.869.519.879	174.305.757.774
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	1.332.568.189.113	27.374.999	506.305.069.430	3.610.033.897	1.842.510.667.439
Số dư cuối kỳ	1.284.184.195.644	21.291.666	491.800.876.659	4.364.384.166	1.780.370.748.135

Các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có nguyên giá là 1.324 triệu VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2017: 721 triệu VND).

Tại Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 toàn bộ tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh 17(b)).

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(\*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015, dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đi vào hoạt động chính thức và được chuyển sang tài sản cố định hữu hình theo quyết định của Ban Giám đốc Công ty. Công ty đã ghi nhận nguyên giá của dự án công trình thủy điện này bằng tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là 1.970.020 triệu VND, xấp xỉ với chi phí thực tế phát sinh tạm tính của dự án.

Trong năm 2017, giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát đã được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	4.797.657.322	10.681.315.849
Tăng trong kỳ/năm	1.767.018.774	1.678.561.847
Giảm khác	(1.533.107.301)	(7.562.220.374)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>5.031.568.795</b>	<b>4.797.657.322</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	<b>30/6/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Công trình Thủy điện Ngòi Phát	-	1.533.107.301
Công trình Khu Đô thị Thương mại Thủy Hoa	2.756.459.113	2.391.822.749
Dự án Ngòi Phát mở rộng	1.584.200.592	181.818.182
Dự án suối Chăn	690.909.090	690.909.090
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>5.031.568.795</b>	<b>4.797.657.322</b>

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Chi phí thuê văn phòng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	119.338.176	11.611.649.585	11.730.987.761
Tăng trong kỳ	35.797.456	-	35.797.456
Phân bổ trong kỳ	(81.509.820)	(159.793.343)	(241.303.163)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>73.625.812</b>	<b>11.451.856.242</b>	<b>11.525.482.054</b>



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	257.602.196	257.602.196	1.407.300.566	1.407.300.566
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	-	875.218.692	875.218.692
Công ty TNHH Xây dựng và Lắp đặt Thủy điện tỉnh Triết Giang	-	-	758.747.815	758.747.815
Công ty TNHH Tư nhân Andritz Hydro	2.131.347.505	2.131.347.505	100.653.672	100.653.672
Công ty TNHH Giải pháp và thiết bị công nghiệp	539.805.000	539.805.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	1.752.139.052	1.752.139.052	5.996.075.772	5.996.075.772
	<b>4.680.893.753</b>	<b>4.680.893.753</b>	<b>9.137.996.517</b>	<b>9.137.996.517</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Vimeco	257.602.196	257.602.196	1.407.300.566	1.407.300.566
Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	-	-	875.218.692	875.218.692
Công ty Cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại	-	-	105.522.381	105.522.381
	<b>257.602.196</b>	<b>257.602.196</b>	<b>2.388.041.639</b>	<b>2.388.041.639</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Tại Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không có khoản phải trả nào quá hạn chưa thanh toán.



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.663.371.928	12.977.863.877	(13.536.324.532)	2.104.911.273
Thuế nhà thầu	728.024.193	-	(728.024.193)	-
Thuế nhập khẩu	(10.326.045)	-	-	(10.326.045)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(35.153.977)	-	-	(35.153.977)
Thuế thu nhập cá nhân	89.863.554	1.190.462.409	(1.262.588.106)	17.737.857
Thuế tài nguyên	1.174.105.644	12.809.353.592	(10.553.476.275)	3.429.982.961
	<b>4.609.885.297</b>	<b>26.977.679.878</b>	<b>(26.080.413.106)</b>	<b>5.507.152.069</b>

Trong đó:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(45.480.022)	(45.480.022)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.552.632.091	4.655.365.319
	<b>5.507.152.069</b>	<b>4.609.885.297</b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay phải trả	4.330.193.849	12.949.891.057
Chi phí phải trả khác	50.396.757	-
	<b>4.380.590.606</b>	<b>12.949.891.057</b>

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Các khoản phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	306.608.901	91.954.194
Phải trả về cổ tức	21.473.265.907	7.066.431.657
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam về phí thương hiệu	1.204.236.892	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.253.980.501	82.720.400
	<hr/>	<hr/>
	25.238.092.201	7.241.106.251
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản phải trả dài hạn khác	21.000.000	21.000.000
	<hr/>	<hr/>

**(c) Phải trả khác cho các bên liên quan**

	<b>30/6/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả công ty mẹ	14.850.000.000	-
Phải trả các công ty liên quan khác	-	41.158.810
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vay	(a) Vay ngắn hạn	1/1/2017		30/6/2017			
		Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
	Vay ngắn hạn	53.544.291.256	53.544.291.256	48.241.150.132	(101.785.441.388)	-	-
	Vay dài hạn đến hạn trả	89.184.000.000	89.184.000.000	54.592.000.000	(47.222.864.145)	96.553.135.855	96.553.135.855
		142.728.291.256	142.728.291.256	102.833.150.132	(149.008.305.533)	96.553.135.855	96.553.135.855

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh SGD 1	VND	8%	-	53.544.291.256
			-	53.544.291.256

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay dài hạn**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	1.375.383.203.228	1.422.606.067.373
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(96.553.135.855)	(89.184.000.000)
	1.278.830.067.373	1.333.422.067.373

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	10,5%	2027	1.072.545.012.521	1.075.751.972.373
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	6,9-11,4%	2020	302.838.190.707	346.854.095.000
				1.375.383.203.228	1.422.606.067.373
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(96.553.135.855)	(89.184.000.000)
				1.278.830.067.373	1.333.422.067.373

Các tài sản đảm bảo của các khoản vay dài hạn là toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, kể cả nhà máy, cùng với các tòa nhà, công trình xây dựng và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền hay tọa lạc vĩnh viễn tại dự án hay trên khu đất trong thời điểm hiện tại và tương lai; toàn bộ máy móc thiết bị (trong phạm vi tối đa được các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan cho phép) và các động sản liên quan đến hoặc thuộc về dự án (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Công ty theo hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam được chia tương ứng theo tỷ lệ vốn vay từ các ngân hàng này.



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	415.296.507.633	10.642.450.000	69.527.646.485	495.466.604.118
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	22.525.117.242	22.525.117.242
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.160.370.254)	(3.160.370.254)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	(41.529.650.763)	(41.529.650.763)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	415.296.507.633	10.642.450.000	47.362.742.710	473.301.700.343
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	415.296.507.633	10.642.450.000	62.596.173.723	488.535.131.356
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	15.006.313.852	15.006.313.852
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(3.891.527.960)	(3.891.527.960)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	(20.764.825.380)	(20.764.825.380)
<b>Số dư Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>	415.296.507.633	10.642.450.000	52.946.134.235	478.885.091.868



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	41.529.650	415.296.507.633	41.529.650	415.296.507.633

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

**20. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 62.294 triệu VND (1.500 VND trên một cổ phiếu). Trong năm 2016, Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2016 là 41.530 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu) theo Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 11 năm 2016.

**21. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**22. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
Chi phí lãi vay	65.752.593.233	72.771.611.486
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	270.056.200	-
Chi phí tài chính khác	367.659.787	5.349.401.031
	<b>66.390.309.220</b>	<b>78.121.012.517</b>

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
Chi phí nhân công	4.213.702.308	4.793.617.787
Chi phí đồ dùng văn phòng phẩm	56.128.380	237.091.455
Chi phí khấu hao	100.652.197	310.221.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	233.134.840	521.276.233
Chi phí khác	3.960.788.934	3.704.760.309
	<hr/>	<hr/>
	8.564.406.659	9.566.967.594
	<hr/>	<hr/>

**24. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
Tiền phạt hợp đồng điều chỉnh khi quyết toán thủy điện Ngòi Phát	1.265.735.109	-
Chi phí thiệt hại do nguyên nhân bất khả kháng khi quyết toán thủy điện Ngòi Phát	448.372.635	-
Chi phí khác	173.429.639	290.812
	<hr/>	<hr/>
	1.887.537.383	290.812
	<hr/>	<hr/>

**25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.886.441.206	966.044.881
Chi phí nhân công	8.688.124.939	9.131.530.163
Chi phí khấu hao	35.704.593.003	34.450.221.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.296.840	647.516.778
Chi phí khác	26.969.220.717	22.919.850.917

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017 VND	Error! Reference source not found. VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.006.313.852	22.525.117.242
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.001.262.770	4.505.023.448
Chi phí không được khấu trừ thuế	377.507.477	58.163
Miễn thuế	(3.378.770.247)	(4.505.081.611)
	-	-

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, dự án của Công ty được hưởng các ưu đãi theo Luật Đầu tư năm 2005 và các quy định pháp luật hiện hành. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027). Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2015 đến năm 2029). Sau đó, Công ty sẽ áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này chịu thuế suất 20% kể từ năm 2016.

**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo là 15.006 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2016: 22.525 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 41.529.650 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2016: 41.529.650 cổ phiếu).



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quý II/2017 tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017 VND	30/06/2016 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam</b>		
Phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	-	5.268.177.519
Thanh toán phí bảo lãnh khoản vay ngân hàng	-	5.289.722.612
Phí thương hiệu	1.204.236.892	-
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam</b>		
Số tiền vay nhận trong kỳ	-	108.559.384.103
Số gốc vay trả trong kỳ	56.751.251.108	50.853.269.104
<b>Công ty Cổ phần Vimeco</b>		
Mua hàng	-	419.695.129
<b>Công ty Cổ phần Xây Dựng số 5</b>		
Mua hàng	-	706.854.602
<b>Công ty Cổ phần Vimeco Cơ khí và Thương mại</b>		
Mua hàng	-	14.591.770
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	768.966.540	1.100.558.249

Người lập:

Lâm Thị Hà  
Kế toán tổng hợp

Đinh Tuấn Anh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ứng Hồng Vận  
Tổng Giám đốc

Số: ~~347~~ /2017/CV-TCKH

V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận  
sau thuế TNDN quý 2/2017 so với lợi nhuận sau  
thuế TNDN quý 2/2016.

-----oOo-----  
Lào Cai, ngày 18 tháng 07 năm 2017

### GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN SAUTHUẾ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 mã chứng khoán ND2 trân trọng gửi tới Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Quý Sở lời chào trân trọng nhất.

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2017 kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2. Trong đó lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2 năm 2017 so với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2 năm 2016 có sự thay đổi từ 10% trở lên, Công ty chúng tôi xin giải trình như sau:

Quý 2 năm 2017 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là: **30.186.140.964 đồng**; Quý 2 năm 2016 là: **22.428.862.517 đồng**, Lợi nhuận quý 2 năm 2017 tăng hơn so với lợi nhuận quý 2 năm 2016 là: **7.757.278.447 đồng** tương đương tăng **34,586%**

#### Nguyên nhân tăng do:


Là doanh nghiệp sản xuất điện (thủy điện) doanh thu sản xuất điện hoàn toàn phụ thuộc vào thủy văn theo mùa. Lợi nhuận quý 2/2017 tăng 7.757.278.447 đồng so với lợi nhuận quý 2/2016 nguyên nhân tăng do:

1. Thủy văn quý 2/2017 mưa đều, doanh thu bán điện quý 2/2017 tăng so với doanh thu bán điện quý 2/2016 là: 2.492.788.483 đồng; tương đương tăng 2,43%
2. Chi phí lãi vay quý 2/2017 là: 33.981.320.191 giảm so với chi phí lãi vay quý 2/2016 là: 39.330.925.405 tương đương giảm 5.349.605.214 đồng. Nguyên nhân là doanh nghiệp đã trả nợ gốc vay hàng kỳ tương ứng giảm chi phí lãi vay phải trả hàng kỳ.

Hai nguyên chủ yếu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế quý 2/2017 tăng so với lợi nhuận sau thuế quý 2/2016 tương ứng tăng 34,586%

Trên đây là nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2/2017 tăng so với kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2/2016 của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.

**Trân trọng!**

Nơi nhận:   
- Như kính gửi;  
- Lưu TCHC, TCKT.



Người đại diện theo Pháp luật

  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Ung Hồng Văn*